

**TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO
TẠI THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 920/2022/HC-PT
Ngày: 24 - 11 - 2022
V/v Khiếu kiện quyết định hành chính
trong lĩnh vực quản lý đất đai

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có :

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Thị Hòa Hiệp

Các Thẩm phán: Ông Lê Hoàng Tấn

Ông Nguyễn Hồ Tâm Tú

- Thư ký phiên tòa: Bà Tiểu Phương Quyền - Thư ký Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Ông Bùi Văn Thành - Kiểm sát viên.

Ngày 24 tháng 11 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh xét xử phúc thẩm công khai vụ án hành chính thụ lý số: 210/2022/TLPT-HC ngày 25 tháng 4 năm 2022 về việc “Khiếu kiện quyết định hành chính trong lĩnh vực quản lý đất đai”.

Do Bản án hành chính sơ thẩm số 29/2021/HC-ST ngày 09 tháng 12 năm 2021 của Tòa án nhân dân tỉnh Bình Thuận bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 2141/2022/QĐ-PT ngày 27 tháng 10 năm 2022 giữa các đương sự:

- Người khởi kiện: Ông Trần Công Minh A, sinh năm 1991 (vắng mặt);

Người đại diện hợp pháp: Bà Võ Thị B, sinh năm 1965; là người đại diện theo ủy quyền (Văn bản ủy quyền ngày 27/12/2018) (có mặt);

Cùng địa chỉ: Thôn M1, xã M2, huyện M, tỉnh Bình Thuận.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của người khởi kiện: Ông Phan Thanh H - Luật sư Văn phòng luật sư An H thuộc Đoàn luật sư tỉnh Bình Thuận (có mặt);

Địa chỉ: Số 564 đường M3, phường M4, thị xã M5, tỉnh Bình Thuận.

- *Người bị kiện:*

1. Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện M;
2. Ủy ban nhân dân huyện M;

Địa chỉ: Số 30 Trần Phú, thị trấn M6, huyện M

Người đại diện hợp pháp của Ủy ban nhân dân huyện M và Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện M: Ông Trần Ngọc D - Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện M (vắng mặt).

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Nguyễn Văn P - Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện M (có mặt).

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của Ủy ban nhân dân huyện M và Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện M:

Ông Nguyễn Đình Q - Giám đốc Trung tâm phát triển quỹ đất huyện M (có mặt).

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

1. Trung tâm Phát triển quỹ đất huyện M;

Ông Nguyễn Đình Q - Giám đốc Trung tâm phát triển quỹ đất huyện M (có mặt).

2. Ủy ban nhân dân xã M2, huyện M, tỉnh Bình Thuận (vắng mặt).

3. Bà Hồ Thị Thanh T, sinh năm 1992 (vắng mặt);

Người đại diện hợp pháp: Bà Võ Thị B, sinh năm 1965; là người đại diện theo ủy quyền (Văn bản ủy quyền ngày 08/6/2020) (có mặt).

Cùng địa chỉ: Thôn M1, xã M2, huyện M, tỉnh Bình Thuận.

- *Người kháng cáo:* người khởi kiện là ông Trần Công Minh A và người bị kiện là Ủy ban nhân dân huyện M.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo bản án sơ thẩm nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Tại đơn khởi kiện và quá trình giải quyết vụ án, người khởi kiện ông Trần Công Minh A và người đại diện hợp pháp bà Võ Thị B trình bày:

Vào năm 2015, ông Trần Công Minh A nhận chuyển nhượng và được Ủy ban nhân dân huyện M cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BL 346094

ngày 02/10/2015 đối với thửa đất số 21, tờ bản đồ số 31, diện tích 1.100m², tọa lạc tại thôn M1, xã M2, huyện M.

Đến ngày 21/3/2016, ông A nhận được thông báo thu hồi đất để làm công trình Kênh tiêu Bà Sáu, xã M2. Ngày 30/12/2016, Ủy ban nhân dân huyện M ban hành Quyết định số 659/QĐ-UBND về việc thu hồi diện tích 445,3m² đất của ông A, diện tích còn lại do hình thể là tam giác nên khó khăn trong sản xuất, do đó ông A có làm đơn yêu cầu Ủy ban nhân dân huyện như sau:

Thứ nhất: Ông A không nhận tiền bồi thường, hỗ trợ và yêu cầu được hoán đổi đất với cùng mục đích sử dụng đất.

Thứ hai: Nếu không có đất để hoán đổi thì yêu cầu bồi thường giá trị đất theo giá thị trường để ông A có điều kiện mua đất khác để sản xuất.

Từ thời điểm thu hồi đất cho đến khi ông A khởi kiện, Ủy ban nhân dân huyện M cho rằng quỹ đất dự phòng 5% của xã đã hết và vận động ông A nhận tiền.

Sau đó, Trung tâm phát triển quỹ đất thông báo nhận tiền hỗ trợ trước còn giá đất thì đợi Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt. Ông A tin tưởng rằng sẽ được bồi thường về đất theo giá thị trường nên vào ngày 11/01/2017, ông A đã nhận tiền hỗ trợ là 41.967.000đồng theo Quyết định số 77/QĐ-UBND ngày 11/01/2017 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện M.

Ngày 11/9/2017, Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện M ban hành Quyết định số 2403/QĐ-UBND phê duyệt bồi thường về đất cho ông A với số tiền là 31.580.000đồng.

Ông A không đồng ý với giá đất này nên không nhận tiền bồi thường. Ông A nhiều lần gửi đơn đến Ủy ban các cấp để làm rõ quỹ đất 5% của xã M2 để xin được bồi thường về đất. Ngày 23/11/2018, Ủy ban nhân dân xã M2 ban hành văn bản số 10/UBND trả lời là quỹ đất 5% tại xã M2 có diện tích là 626.578,6m².

Ngày 06/02/2018, Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện M ban hành Công văn số 273/UBND-PTQĐ về việc trả lời đơn cho ông Trần Công Minh A, với nội dung không chấp nhận các yêu cầu của ông A.

Ông A cho rằng, trình tự thủ tục mà Ủy ban nhân dân huyện M bồi thường khi thu hồi diện tích 445,3m² của ông A là trái với các quy định tại Điều 74, 75 của Luật đất đai 2013. Do đó, ông A yêu cầu hủy Công văn số 273/UBND-PTQĐ ngày 06/02/2018 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện M về việc trả lời đơn công dân đối với ông Trần Công Minh A; buộc Ủy ban nhân dân huyện M phải bồi thường theo giá đất của loại đất thu hồi do Ủy ban nhân dân tỉnh Bình

Thuận quyết định, bồi thường theo sát giá trị trường hoặc giao đất có cùng mục đích sử dụng đất của loại đất bị thu hồi cho ông A.

Quá trình giải quyết vụ án, vào ngày 25/9/2020, Ủy ban nhân dân huyện M ban hành Quyết định số 1446/QĐ-UBND về việc điều chỉnh thẩm quyền tại Quyết định số 2119/QĐ-UBND ngày 30/12/2016, Quyết định số 2160/QĐ-UBND ngày 31/8/2017 và Quyết định số 1009/QĐ-UBND ngày 02/7/2018 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện M, nên ông Trần Công Minh A bổ sung yêu cầu khởi kiện, cụ thể yêu cầu hủy Quyết định số 1446/QĐ-UBND ngày 25/9/2020 của Ủy ban nhân dân huyện M.

Người bị kiện - Ủy ban nhân dân huyện M và Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện M trình bày tại Công văn số 1344/UBND-TNMT ngày 02/7/2019:

1. Về trình tự, thủ tục thu hồi đất; bồi thường, hỗ trợ khi thu hồi đất:

Ngày 15/10/2014, Sở Kế hoạch và Đầu tư có Quyết định số 287/QĐ-SKHĐT về việc phê duyệt Báo cáo kinh tế - kỹ thuật xây dựng công trình Kênh tiêu Bà Sáu, xã M2, huyện M; ngày 21/7/2016, Sở Kế hoạch và Đầu tư có Công văn số 2371/SKHĐT-TĐ về việc điều chỉnh, bổ sung Báo cáo kinh tế - kỹ thuật xây dựng công trình Kênh tiêu Bà Sáu, xã M2, huyện M.

Ngày 07/3/2016, Ủy ban nhân dân huyện có Thông báo số 67/TB-UBND về việc thu hồi đất để thực hiện dự án công trình Kênh tiêu Bà Sáu, xã M2, huyện M đối với hộ ông Trần Công Minh A; ngày 22/11/2016, Ủy ban nhân dân huyện có Thông báo số 672/TB-UBND về việc điều chỉnh Thông báo thu hồi đất số 67/TB-UBND ngày 07/3/2016 của Ủy ban nhân dân huyện.

Ngày 09/9/2016, Trung tâm Phát triển quỹ đất huyện phối hợp với Ủy ban nhân dân xã M2 và chủ đầu tư lập biên bản xác định vị trí các thửa đất thu hồi xây dựng công trình Kênh tiêu Bà Sáu, xã M2, huyện M.

Ngày 07/11/2016, Trung tâm Phát triển quỹ đất huyện phối hợp với Ủy ban nhân dân xã M2 và chủ đầu tư lập biên bản đo đạc, kiểm kê tài sản của người bị thu hồi đất (ông Trần Công Minh A) đối với thửa đất số 523, tờ bản đồ số 02, diện tích 445,3 m², loại đất: LUC (đất chuyên trồng lúa nước).

Cùng ngày 07/11/2016, ông Trần Công Minh A có tờ khai đất đai, tài sản nằm trong khu vực bị thu hồi.

Ngày 28/11/2016, Ủy ban nhân dân xã M2 có Giấy xác nhận số 63/GXN về nguồn gốc đất, tài sản gắn liền với đất phần đất thu hồi thuộc công trình Kênh tiêu Bà Sáu. Theo đó, Ủy ban nhân dân xã M2 xác nhận nguồn gốc diện tích 445,3 m² thu hồi của hộ ông Trần Công Minh A có nguồn gốc do ông Nguyễn Tấn Phát khai phá trước năm 1990 và năm 2015 chuyển nhượng cho ông Trần

Công Minh A sử dụng, không tranh chấp (đất đã được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BL 346094). Tổng diện tích đất đang sử dụng trong địa bàn xã là 1.100 m². Tỷ lệ diện tích đất nông nghiệp thu hồi là 40,5%; hộ ông A là hộ trực tiếp sản xuất nông nghiệp trên diện tích đất bị thu hồi, có nguồn thu nhập ổn định từ sản xuất nông nghiệp, không phải là hộ nghèo, không có nhà bị giải tỏa, có hộ khẩu tại địa phương.

Ngày 30/11/2016, Sở Tài chính có Thông báo số 1139/TB-STC về giá gạo trung bình tháng 11/2016 trên địa bàn tỉnh Bình Thuận.

Ngày 02/12/2016, Trung tâm Phát triển quỹ đất huyện lập bảng tính toán giá trị bồi thường, hỗ trợ và tái định cư đối với hộ ông Trần Công Minh A với số tiền 41.967.000 đồng. Trong đó: bồi thường về đất 0 đồng (chưa tính do chưa có giá đất cụ thể); hỗ trợ đào tạo chuyển đổi nghề và tìm kiếm việc làm 40.077.000 đồng; hỗ trợ ổn định đời sống và sản xuất 1.890.000 đồng.

Ngày 06/12/2016, Hội đồng bồi thường, hỗ trợ và tái định cư công trình Kênh tiêu Bà Sáu, xã M2, huyện M họp xét các trường hợp đủ điều kiện bồi thường, hỗ trợ.

Ngày 09/12/2016, Trung tâm Phát triển quỹ đất huyện lập Phương án bồi thường, hỗ trợ, tái định cư đối với trường hợp của ông Trần Công Minh A.

Ngày 07/12/2016, Trung tâm Phát triển quỹ đất huyện phối hợp Ủy ban nhân dân xã M2 và chủ đầu tư lập biên bản họp dân công khai, lấy ý kiến về phương án bồi thường, hỗ trợ, tái định cư công trình Kênh tiêu Bà Sáu, xã M2, huyện M (đợt 2 – 09 hộ)

Cùng ngày 07/12/2016, Trung tâm Phát triển quỹ đất huyện phối hợp Ủy ban nhân dân xã M2 và chủ đầu tư lập biên bản niêm yết, công khai phương án bồi thường, hỗ trợ, tái định cư công trình Kênh tiêu Bà Sáu, xã M2 từ ngày 07/12/2016 đến hết ngày 27/12/2016.

Ngày 28/12/2016, Trung tâm Phát triển quỹ đất huyện phối hợp Ủy ban nhân dân xã M2 và chủ đầu tư lập biên bản kết thúc niêm yết, công khai phương án bồi thường, hỗ trợ, tái định cư Công trình Kênh tiêu Bà Sáu, xã M2.

Ngày 30/12/2016, Ủy ban nhân dân huyện ban hành Quyết định số 659/QĐ-UBND, thu hồi 445,3m² đất chuyên trồng lúa nước (LUC) thuộc thửa đất số 523, tờ bản đồ số 02 tại xã M2 của hộ ông Trần Công Minh Trí, lý do thu hồi đất: để xây dựng Công trình Kênh tiêu Bà Sáu, xã M2.

Cùng ngày 30/12/2016, Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện ban hành Quyết định số 2119/QĐ-UBND về việc phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ và tái

định cư công trình Kênh tiêu Bà Sáu, xã M2, huyện M (đợt 02 – gồm 09 hộ gia đình, cá nhân).

Ngày 11/01/2017, Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện ban hành Quyết định số 77/QĐ-UBND phê duyệt bồi thường, hỗ trợ đối với hộ ông Trần Công Minh A với tổng giá trị bồi thường, hỗ trợ là 41.967.000 đồng.

Ngày 13/02/2017, ông Trần Công Minh A đã nhận số tiền trên (Phiếu chi ngày 13/02/2017 của Trung tâm Phát triển quỹ đất huyện).

Ngày 13/7/2017, Ủy ban nhân dân tỉnh Bình Thuận ban hành Quyết định số 1991/QĐ-UBND về việc phê duyệt hệ số điều chỉnh giá đất để thực hiện công tác bồi thường, hỗ trợ, tái định cư công trình Kênh tiêu Bà Sáu, xã M2, huyện M.

Ngày 24/7/2017, Trung tâm Phát triển quỹ đất huyện lập bảng tính toán giá trị bồi thường, hỗ trợ và tái định cư đối với hộ ông Trần Công Minh A, bồi thường về đất với số tiền 31.580.676 đồng.

Ngày 31/8/2017, Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện ban hành Quyết định số 2160/QĐ-UBND về việc phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ và tái định cư công trình Kênh tiêu Bà Sáu, xã M2, huyện M (bổ sung giá đất cụ thể đợt 1, đợt 2 gồm 33 hộ).

Ngày 11/9/2017, Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện ban hành Quyết định số 2403/QĐ-UBND về việc phê duyệt bồi thường, hỗ trợ đối với hộ ông Trần Công Minh A, bồi thường về đất với số tiền 31.580.676 đồng.

Căn cứ Quyết định số 08/2015/QĐ-UBND ngày 02/3/2015 của Ủy ban nhân dân tỉnh Bình Thuận về việc ban hành quy định về bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất; quy định thu hồi, giao đất, cho thuê đất, chuyển mục đích sử dụng đất và quy trình chủ đầu tư thỏa thuận với người sử dụng đất để thực hiện dự án đầu tư trên địa bàn tỉnh Bình Thuận thì Ủy ban nhân dân huyện đã thực hiện đúng trình tự, thủ tục khi thu hồi đất của ông Trần Công Minh A để xây dựng Công trình Kênh tiêu bà Sáu, xã M2.

2. Việc thực hiện các chính sách bồi thường, hỗ trợ khi thu hồi đất:

2.1. Việc bồi thường bằng tiền khi thu hồi đất:

Căn cứ khoản 2 Điều 74 Luật Đất đai 2013 quy định: *“Việc bồi thường được thực hiện bằng việc giao đất có cùng mục đích sử dụng với loại đất thu hồi, nếu không có đất bồi thường thì được bồi thường bằng tiền theo giá đất cụ thể của loại đất thu hồi do Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quyết định tại thời điểm quyết định thu hồi đất”*.

Qua rà soát, hiện trạng quỹ đất công ích của xã M2 đang được các hộ gia đình cá nhân sử dụng sản xuất nông nghiệp. Do đó, không còn quỹ đất có cùng mục đích sử dụng với loại đất thu hồi để bồi thường bằng việc giao đất.

Mặt khác, ngày 07/12/2016, Trung tâm Phát triển quỹ đất huyện phối hợp Ủy ban nhân dân xã M2 lập biên bản niêm yết, công khai phương án bồi thường, hỗ trợ, tái định cư Công trình Kênh tiêu Bà Sáu, xã M2 (trong đó, không đặt vấn đề bồi thường bằng việc giao đất có cùng mục đích sử dụng với loại đất thu hồi) từ ngày 07/12/2016 đến hết ngày 27/12/2016. Trong thời gian công khai, ông Trần Công Minh A không có ý kiến, đơn thư thắc mắc, khiếu nại.

Do đó, việc Ủy ban nhân dân huyện bồi thường bằng tiền cho ông Trần Công Minh Trí là đúng quy định pháp luật.

2.2. Việc xác định đơn giá bồi thường về đất:

Theo biên bản xác định vị trí các thửa đất thu hồi xây dựng công trình Kênh tiêu Bà Sáu, xã M2, huyện M do Trung tâm Phát triển quỹ đất huyện phối hợp với Ủy ban nhân dân xã M2 và chủ đầu tư lập ngày 09/9/2016 thì diện tích đất 445,3 m², đất chuyên trồng lúa nước thu hồi của ông Trần Công Minh A thuộc vị trí 2.

Căn cứ điểm d khoản 4 Điều 114 Luật Đất đai 2013 quy định: Giá đất cụ thể được sử dụng để làm căn cứ tính tiền bồi thường khi Nhà nước thu hồi đất.

Căn cứ Điều 7 Bản quy định về bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi nhà nước thu hồi đất; quy trình thu hồi, giao đất, cho thuê đất, chuyển mục đích sử dụng đất và quy trình chủ đầu tư thỏa thuận với người sử dụng đất để thực hiện dự án đầu tư trên địa bàn tỉnh Bình Thuận (Ban hành kèm theo Quyết định số 08/2015/QĐ-UBND ngày 02 tháng 3 năm 2015 của Ủy ban nhân dân tỉnh) quy định về giá đất cụ thể để tính bồi thường về đất.

Căn cứ Phụ lục số 7 – Bảng giá đất huyện M (Kèm theo Quyết định số 59/2014/QĐ-UBND ngày 16 tháng 12 năm 2014 của Ủy ban nhân dân tỉnh), giá đất trồng lúa nước xã M2 tại vị trí 2 là 36.000 đồng/m².

Ngày 13/7/2017, Ủy ban nhân dân tỉnh Bình Thuận ban hành Quyết định số 1991/QĐ-UBND về việc phê duyệt hệ số điều chỉnh giá đất để thực hiện công tác bồi thường, hỗ trợ, tái định cư công trình Kênh tiêu Bà Sáu, xã M2, huyện M; trong đó: đất trồng lúa nước xã M2 tại vị trí 2 có hệ số điều chỉnh giá đất là 1,97.

Từ những căn cứ trên, việc Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện ban hành Quyết định số 2403/QĐ-UBND ngày 11/9/2017, bồi thường về đất cho hộ ông

A với số tiền 31.580.676 đồng ($445,3 \text{ m}^2 \times 36.000 \text{ đồng/m}^2 \times 1,97$) là đúng quy định pháp luật.

2.2. Việc xác định đối tượng và mức hỗ trợ ổn định đời sống sản xuất; mức hỗ trợ đào tạo chuyển đổi nghề và tìm kiếm việc làm:

Căn cứ điểm c khoản 1 Điều 19 Nghị định số 47/2014/NĐ-CP quy định: Đối tượng được hỗ trợ ổn định đời sống và sản xuất là Hộ gia đình, cá nhân thuộc đối tượng đủ điều kiện được giao đất nông nghiệp theo quy định tại Điểm a khoản này nhưng chưa được giao đất nông nghiệp và đang sử dụng đất nông nghiệp do nhận chuyển nhượng, nhận thừa kế, được tặng cho, khai hoang theo quy định của pháp luật, được Ủy ban nhân dân cấp xã nơi có đất thu hồi xác nhận là đang trực tiếp sản xuất trên đất nông nghiệp đó.

Căn cứ Bản xác nhận nguồn gốc đất, tài sản gắn liền với đất số 63/GXN, ngày 28 tháng 11 năm 2016 của Ủy ban nhân dân xã M2 xác nhận nguồn gốc diện tích $445,3 \text{ m}^2$ thu hồi của hộ ông Trần Công Minh A có nguồn gốc do ông Nguyễn Tấn Phát khai phá trước năm 1990 và năm 2015 chuyển nhượng cho ông Trần Công Minh A sử dụng, không tranh chấp (ông Trí nhận chuyển nhượng quyền sử dụng đất từ hộ ông Phát theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BL 346094 và được Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai huyện Hàm Thuận Nam xác nhận ngày 02/10/2015); tỷ lệ đất thu hồi 40,5%.

Như vậy, diện tích đất bị thu hồi nằm trong thửa đất được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho cá nhân ông Trần Công Minh A. Do đó, đối tượng được hỗ trợ ổn định đời sống và sản xuất khi thu hồi đất là cá nhân ông A.

Căn cứ điểm a và điểm c khoản 2 Điều 23 Bản quy định về bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi nhà nước thu hồi đất; quy trình thu hồi, giao đất, cho thuê đất, chuyển mục đích sử dụng đất và quy trình chủ đầu tư thỏa thuận với người sử dụng đất để thực hiện dự án đầu tư trên địa bàn tỉnh Bình Thuận (Ban hành kèm theo Quyết định số 08/2015/QĐ-UBND ngày 02 tháng 3 năm 2015 của Ủy ban nhân dân tỉnh) quy định:

“a) Thu hồi từ 30% đến 70% diện tích đất nông nghiệp đang sử dụng thì được hỗ trợ ổn định đời sống trong thời gian 6 tháng nếu không phải di chuyển chỗ ở và trong thời gian 12 tháng nếu phải di chuyển chỗ ở.

...

c) Mức hỗ trợ ổn định đời sống tại các điểm a và b Khoản này được tính bằng tiền tương đương 30 (ba mươi) kg gạo trong một tháng cho một nhân khẩu có tên trong sổ hộ khẩu tại nơi thu hồi đất và tại thời điểm có thông báo thu hồi đất theo giá gạo trung bình của địa phương do Sở Tài chính công bố”.

Căn cứ tại khoản 2 Điều 24 Bản quy định về bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi nhà nước thu hồi đất; quy trình thu hồi, giao đất, cho thuê đất, chuyển mục đích sử dụng đất và quy trình chủ đầu tư thỏa thuận với người sử dụng đất để thực hiện dự án đầu tư trên địa bàn tỉnh Bình Thuận (Ban hành kèm theo Quyết định số 08/2015/QĐ-UBND ngày 02 tháng 3 năm 2015 của Ủy ban nhân dân tỉnh) quy định: Hỗ trợ đào tạo, chuyển đổi nghề và tìm kiếm việc làm đối với trường hợp thu hồi đất nông nghiệp của hộ gia đình, cá nhân trực tiếp sản xuất nông nghiệp với Mức hỗ trợ theo hình thức bằng tiền mức 2,5 (hai phẩy năm) lần giá đất nông nghiệp cùng loại theo bảng giá đất Ủy ban nhân dân tỉnh quy định đối với toàn bộ diện tích đất nông nghiệp thu hồi; diện tích được hỗ trợ không vượt quá hạn mức giao đất nông nghiệp tại địa phương.

Theo Phụ lục số 7 – Bảng giá đất huyện M (Kèm theo Quyết định số 59/2014/QĐ-UBND ngày 16 tháng 12 năm 2014 của Ủy ban nhân dân tỉnh), giá đất trồng lúa nước xã M2 tại vị trí 2 là 36.000 đồng/m².

Theo Thông báo số 1139/TB-STC ngày 30/11/2016 của Sở Tài chính thì giá gạo trung bình trên địa bàn tỉnh Bình Thuận trong tháng 11/2016 là 10.500 đồng/kg.

Vì vậy, việc Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện ban hành Quyết định số 77/QĐ-UBND ngày 11/01/2017 phê duyệt bồi thường, hỗ trợ đối với hộ ông Trần Công Minh A với số tiền 41.967.000 đồng. Trong đó: hỗ trợ đào tạo chuyển đổi nghề và tìm kiếm việc làm là 40.077.000 đồng ($2,5 \times 36.000 \text{ đồng/m}^2 \times 445,3 \text{ m}^2$), hỗ trợ ổn định đời sống sản xuất là 1.890.000 đồng ($30 \text{ kg} \times 10.500 \text{ đồng} \times 6 \text{ tháng}$) là đúng quy định pháp luật.

3. Việc ban hành Công văn số 273/UBND-PTQĐ ngày 06/02/2018:

Ủy ban nhân dân huyện nhận được đơn ghi ngày 25/11/2017 của ông Trần Công Minh A với nội dung: xem xét việc hỗ trợ, đào tạo chuyển đổi nghề và tìm kiếm việc làm, hỗ trợ ổn định đời sống sản xuất; xin trả lại tiền bồi thường, hỗ trợ để được hoán đổi đất sản xuất.

Ngày 06/02/2018, Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện ban hành Công văn số 273/UBND-PTQĐ trả lời đơn của ông A (được đính chính một số nội dung tại Công văn số 2267/UBND ngày 02/10/2018 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện).

Qua rà soát, Ủy ban nhân dân huyện đã thực hiện đầy đủ chính sách bồi thường, hỗ trợ cho ông Trần Công Minh A theo quy định pháp luật khi thu hồi đất của ông A xây dựng công trình Kênh tiêu Bà Sáu, xã M2, huyện M.

Vì vậy, Ủy ban nhân dân huyện không đồng ý hủy Công văn nêu trên theo

yêu cầu của ông Trần Công Minh A.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1. Trung tâm Phát triển quỹ đất huyện M và Ủy ban nhân dân xã M2 trình bày: M3 với ý kiến trình bày của Ủy ban nhân dân huyện M.

2. Bà Hồ Thị Thanh T và người đại diện hợp pháp bà Võ Thị B trình bày:

Bà Hồ Thị Thanh T là vợ của ông Trần Công Minh A. Trong thời kỳ hôn nhân, vợ chồng ông A, bà Trúc có tạo lập được tài sản chung là quyền sử dụng thửa đất số 21, tờ bản đồ số 31, diện tích 1.100m², mục đích sử dụng: chuyên trồng lúa nước, tọa lạc tại thôn M1, xã M2, huyện M, tỉnh Bình Thuận, đã được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số BL 346094 do Ủy ban nhân dân huyện M cấp ngày 12/9/2012, cập nhật biến động ngày 02/10/2015. Thửa đất này có nguồn gốc do vợ chồng ông A, bà Trúc nhận chuyển nhượng lại của hộ ông Nguyễn Tấn Phát. Sau khi sang nhượng thì vợ chồng trực tiếp canh tác trên thửa đất này để sản xuất nông nghiệp.

Ngày 30/12/2016, Ủy ban nhân dân huyện M ban hành Quyết định số 659/QĐ-UBND thu hồi diện tích 445,3m² thuộc 1 phần thửa đất số 21, tờ bản đồ số 31 nói trên để thực hiện dự án Kênh tiêu Bà Sáu - xã M2. Sau đó, Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện M ban hành nhiều quyết định phê duyệt phương án, bồi thường, hỗ trợ đối với hộ ông Trần Công Minh A bồi thường cho ông A tổng cộng số tiền 72.547.676 đồng (trong đó bồi thường hỗ trợ đào tạo, chuyển đổi nghề và tìm kiếm việc làm; hỗ trợ ổn định đời sống, sản xuất là 41.967.000 đồng và bồi thường về đất là 31.580.676 đồng). Việc thu hồi đất rõ ràng ảnh hưởng nghiêm trọng, trực tiếp đến tài sản và quyền lợi của bà Trúc nhưng Ủy ban nhân dân huyện M không xét đến quyền lợi của bà Trúc, không hỗ trợ ổn định đời sống, đào tạo, chuyển đổi nghề và tìm kiếm việc làm cho bà Trúc.

Sau khi nhận được các quyết định phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ. Ông Trần Công Minh A đã nhiều lần gửi đơn khiếu nại, yêu cầu xem xét bồi thường bằng việc hoán đổi đất cùng loại trên địa bàn vì vợ chồng cần đất để sản xuất nông nghiệp. Tuy nhiên, Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện M đã ban hành Công văn số 273/UBND-PTQĐ ngày 06/02/2018 xác định việc thu hồi đất và bồi thường, hỗ trợ cho ông A đã thực hiện theo đúng pháp luật và không đồng ý hoán đổi đất cùng loại cho ông A.

Nay, ông Trần Công Minh A khởi kiện yêu cầu hủy Công văn số 273/UBND-PTQĐ ngày 06/02/2018 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện M và yêu cầu Ủy ban nhân dân huyện M bồi thường bằng việc hoán đổi đất cùng loại thì bà Trúc đồng ý với yêu cầu khởi kiện của ông A.

Tại Bản án hành chính sơ thẩm số 29/2021/HC-ST ngày 09 tháng 12 năm 2021 của Tòa án nhân dân tỉnh Bình Thuận quyết định:

1. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của ông Trần Công Minh A:

1.1. Hủy một phần Văn bản số 273/UBND-PTQĐ ngày 06/02/2018 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện M về việc trả lời đơn của ông Trần Công Minh A đối với phần hỗ trợ đào tạo, chuyển đổi nghề và tìm kiếm việc làm, hỗ trợ ổn định đời sống và sản xuất;

1.2. Hủy Quyết định số 77/QĐ-UBND ngày 11/01/2017 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện M, về việc phê duyệt bồi thường, hỗ trợ đối với hộ ông Trần Công Minh A;

1.3. Hủy một phần Quyết định số 2119/QĐ-UBND ngày 30/12/2016 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện M (đã được điều chỉnh thẩm quyền thành Ủy ban nhân dân huyện M tại Quyết định số 1446/QĐ-UBND ngày 25/9/2020 của Ủy ban nhân dân huyện M), về việc phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ và tái định cư công trình Kênh tiêu Bà Sáu, xã M2, huyện M (đợt 02 – gồm 09 hộ gia đình, cá nhân) liên quan đến phần hỗ trợ cho ông Trần Công Minh A.

1.4. Buộc Ủy ban nhân dân huyện M thực hiện nhiệm vụ, công vụ theo quy định của pháp luật, ban hành Quyết định phê duyệt hỗ trợ cho hộ ông Trần Công Minh A theo đúng quy định của Luật đất đai.

2. Bác một phần yêu cầu khởi kiện của ông Trần Công Minh A về việc yêu cầu hủy:

- Văn bản số 273/UBND-PTQĐ ngày 06/02/2018 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện M về việc trả lời đơn của ông Trần Công Minh A đối với phần bồi thường đất.

- Quyết định số 1446/QĐ-UBND ngày 25/9/2020 của Ủy ban nhân dân huyện M, về việc điều chỉnh thẩm quyền từ Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện M thành Ủy ban nhân dân huyện M tại Quyết định số 2119/QĐ-UBND ngày 30/12/2016, Quyết định số 2160/QĐ-UBND ngày 31/8/2017 và Quyết định số 1009/QĐ-UBND ngày 02/7/2018 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện M.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn quyết định về án phí và thông báo về quyền kháng cáo của các đương sự theo quy định của pháp luật.

Ngày 23/12/2021, ông Trần Công Minh A có đơn kháng cáo một phần bản án hành chính sơ thẩm, đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm sửa bản án hành chính theo hướng chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của ông A.

Ngày 28/12/2021, người bị kiện Ủy ban nhân dân huyện M kháng cáo một

phần bản án hành chính sơ thẩm, đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm sửa bản án hành chính theo hướng bác toàn bộ yêu cầu khởi kiện của ông A.

Tại Quyết định số 18/2022/QĐ-PT ngày 13/7/2022, Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh chấp nhận việc kháng cáo quá hạn của Ủy ban nhân dân huyện M.

Tại phiên tòa phúc thẩm,

Người khởi kiện ông Trần Công Minh A, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Hồ Thị Thanh T, cùng có người đại diện theo ủy quyền là bà Võ Thị B và người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của người khởi kiện là Luật sư Phan Thanh H M3 trình bày vẫn giữ nguyên yêu cầu kháng cáo của người khởi kiện, đề nghị Hội đồng xét xử bác kháng cáo của người bị kiện, sửa một phần bản án sơ thẩm theo hướng hủy toàn bộ Văn bản số 273/UBND-PTQĐ ngày 06/02/2018 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện M, với lý do: Văn bản số 273/UBND-PTQĐ ngày 06/02/2018 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện M xác định quỹ đất công ích của xã M2 hiện nay không còn nên không bồi thường bằng việc hoán đổi đất cùng loại cho ông A là không có căn cứ, trái quy định pháp luật. Hơn nữa, văn bản này còn vi phạm thẩm quyền và thời hạn ban hành quyết định phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ và tái định cư.

Về hình thức, ngày 25/11/2017 ông A đã nộp đơn khiếu nại nhưng Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện M không thực hiện thủ tục thụ lý giải quyết khiếu nại là vi phạm quy định tại Điều 27 Luật khiếu nại. Tính từ ngày nộp đơn khiếu nại đến ngày ban hành Văn bản số 273/UBND-PTQĐ là 73 ngày, vượt quá thời hạn giải quyết khiếu nại Điều 28 Luật khiếu nại. Theo quy định tại Điều 31 Luật khiếu nại đã quy định “*Người giải quyết khiếu nại lần đầu phải ra quyết định giải quyết khiếu nại*” nhưng Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện M giải quyết khiếu nại của ông A nhưng lại không ban hành Quyết định giải quyết khiếu nại mà chỉ ban hành Văn bản số 273/UBND-PTQĐ ngày 06/02/2018 trả lời đơn cho ông A là vi phạm về hình thức của Quyết định giải quyết khiếu nại.

Tòa án cấp sơ thẩm đã áp dụng khoản 1 Điều 132 Luật đất đai để xác định điều kiện được bồi thường bằng việc hoán đổi đất có cùng mục đích sử dụng là quỹ đất công ích tại địa phương vượt quá 5%, tuy nhiên, tại phiên tòa sơ thẩm, đại diện Ủy ban nhân dân xã M2 xác định công trình Kênh tiêu Bà Sáu, xã M2, huyện M là công trình công ích của địa phương. Do đó phải căn cứ khoản 2 Điều 132 Luật đất đai 2013, lẽ ra Ủy ban nhân dân huyện M phải sử dụng diện tích công ích tại xã M2 để bồi thường bằng việc hoán đổi đất có cùng mục đích sử dụng cho ông A.

Theo quy định tại khoản 2 Điều 74 Luật đất đai thì việc bồi thường bằng việc hoán đổi đất có cùng mục đích sử dụng phải được ưu tiên áp dụng trước. Việc bồi thường bằng tiền chỉ được áp dụng nếu không có đất bồi thường.

Theo Văn bản số 10/UBND ngày 23/01/2018 thì UBND xã M2 xác định quỹ đất công ích của xã M2 là 626.578,6m²/432 thửa (tức 62,6578ha). Đến ngày 08/11/2018, Ủy ban nhân dân xã M2 có Báo cáo số 221/BC-UBND báo cáo kết quả rà soát, lập phương án quản lý, sử dụng đất (5%) và quỹ đất chưa sử dụng trên địa bàn xã M2 xác định quỹ đất 5% trên địa bàn xã là 60,93 ha/448 thửa. Như vậy, hiện nay tại Ủy ban nhân dân xã M2 có trích lập quỹ đất công ích với tổng diện tích là 60,93 ha/448 thửa, là còn đất dự phòng đủ điều kiện bồi thường đất.

Người đại diện theo ủy quyền của người bị kiện là ông Nguyễn Văn P - Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện M và người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của người bị kiện, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Trung tâm Phát triển quỹ đất huyện M là ông Nguyễn Đình Q M3 trình bày vẫn giữ nguyên yêu cầu kháng cáo của người bị kiện, đề nghị Hội đồng xét xử sửa bản án hành chính theo hướng bác toàn bộ yêu cầu khởi kiện của ông A. Bởi lẽ:

Về vấn đề hỗ trợ, Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất là cấp cho cá nhân nên hỗ trợ cho cá nhân ông Trần Công Minh A. Trong quá trình thực hiện, có một số vướng mắc nên địa phương cũng có xin ý kiến Sở Tài nguyên Môi trường thì đến ngày 24/11/2017, Chi cục quản lý đất đai của Sở Tài nguyên Môi trường có văn bản số 1819 hướng dẫn lại việc hỗ trợ ổn định đời sống cho hộ hay cá nhân thì nội dung văn bản có nêu trường hợp cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho hộ gia đình thì các thành viên trong hộ đều được hỗ trợ, còn Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cấp cho cá nhân thì chỉ hỗ trợ cho cá nhân.

Về bồi thường tiền hay đất, thì tại xã M2 có nhiều công trình phải bồi thường bằng đất, nếu người khởi kiện kiên quyết đòi bồi thường bằng đất thì biết bao nhiêu dự án, công trình đi qua lấy đất đâu để bồi thường, xã sẽ không đủ đất để bồi thường cho dân.

Ngoài ra, về thể thức văn bản phê duyệt phương án bồi thường và Quyết định thu hồi trong cùng ngày, do quá trình làm có sai sót, Ủy ban nhân dân huyện đã có Quyết định điều chỉnh lại.

Quan điểm của đại diện Viện kiểm sát tham gia phiên tòa:

Về tố tụng, Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng các quy định của Luật Tố tụng hành chính về phiên tòa phúc thẩm. Những người tham gia tố tụng đã thực hiện đúng các quy định của Luật Tố tụng hành chính.

Về nội dung,

Theo qui định tại Khoản 1 Điều 132 Luật đất đai 2013 thì điều kiện để được nhận bồi thường bằng việc giao đất là quỹ đất nông nghiệp sử dụng vào mục đích công ích tại địa phương vượt quá 5%. Trong trường hợp này quỹ đất công ích xã đang quản lý chưa đủ 5% và hiện do các hộ dân đang sử dụng phát sinh từ thời kỳ hợp tác xã nên không thể bồi thường bằng đất cho ông A. Hơn nữa, nhằm đảm bảo tính công bằng trong chính sách bồi thường đối với các hộ dân khác cũng bị thu hồi đất trong cùng dự án (38 hộ dân đều được bồi thường bằng tiền theo phương án đã được phê duyệt). Ngoài ra, quá trình công khai phương án bồi thường, tái định định cư, ông A không có ý kiến, không khiếu nại. Ủy ban nhân dân huyện M không chấp nhận khiếu nại của ông A là có cơ sở.

Tòa án cấp sơ thẩm xét xử chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của ông A là có căn cứ và đúng pháp luật. Tại phiên tòa phúc thẩm, người khởi kiện và người bị kiện không cung cấp thêm được tài liệu, chứng cứ nào mới để chứng minh cho yêu cầu kháng cáo. Do đó, đề nghị Hội đồng xét xử bác yêu cầu kháng cáo của ông A và Ủy ban nhân dân huyện M, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Hội đồng xét xử căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng công khai tại phiên tòa, có đủ cơ sở để kết luận: Toàn bộ diễn biến vụ án như phần tóm tắt nội dung đã được viện dẫn ở trên. Xét kháng cáo của người khởi kiện ông Trần Công Minh A và người bị kiện Ủy ban nhân dân huyện M, trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện các tài liệu, chứng cứ, ý kiến của các đương sự, người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của đương sự, Luật sư, ý kiến của Kiểm sát viên như sau:

[1] Về tố tụng:

[1.1] Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Ủy ban nhân dân xã M2, huyện M, tỉnh Bình Thuận có đơn xin xét xử vắng mặt. Theo khoản 4 Điều 225 Luật tố tụng hành chính Tòa án tiến hành phiên tòa phúc thẩm xét xử vắng mặt đương sự nêu trên.

[1.2] Về đối tượng khởi kiện và thẩm quyền giải quyết:

Ông Trần Công Minh A khởi kiện yêu cầu hủy Văn bản số 273/UBND-PTQĐ ngày 06/02/2018 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện M về việc trả lời đơn đối với khiếu nại về bồi thường, hỗ trợ khi thu hồi đất của ông Trần Công Minh A và Quyết định số 1446/QĐ-UBND về việc điều chỉnh thẩm quyền từ Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện M thành Ủy ban nhân dân huyện M tại các Quyết định số 2119/QĐ-UBND ngày 30/12/2016, Quyết định số 2160/QĐ-

UBND ngày 31/8/2017 và Quyết định số 1009/QĐ-UBND ngày 02/7/2018. Đây là các quyết định hành chính trong lĩnh vực quản lý đất đai, thuộc đối tượng khởi kiện của vụ án hành chính tại Tòa án và thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân tỉnh Bình Thuận theo quy định tại khoản 1 Điều 30; khoản 4 Điều 32 Luật tổ tụng hành chính.

[1.3] Về thời hiệu khởi kiện: Ngày 12/12/2018, ông A nhận được Văn bản số 273/UBND-PTQĐ ngày 06/02/2018 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện M, Quá trình giải quyết vụ án, vào ngày 25/9/2020, Ủy ban nhân dân huyện M ban hành Quyết định số 1446/QĐ-UBND. Do đó, ngày 29/01/2019 và ngày 14/10/2020, ông A khởi kiện vụ án hành chính yêu cầu hủy các quyết định nêu trên là còn trong thời hiệu khởi kiện theo quy định tại khoản 2 Điều 116 Luật tổ tụng hành chính.

[2] Về nội dung:

[2.1] Về trình tự, thủ tục, thẩm quyền ban hành các quyết định khởi kiện:

Ngày 15/10/2014, Sở Kế hoạch và Đầu tư có Quyết định số 287/QĐ-SKHĐT về việc phê duyệt Báo cáo kinh tế - kỹ thuật xây dựng công trình Kênh tiêu Bà Sáu, xã M2, huyện M. Ngày 21/7/2016, Sở Kế hoạch và Đầu tư có Công văn số 2371/SKHĐT-TĐ về việc điều chỉnh, bổ sung Báo cáo kinh tế - kỹ thuật xây dựng công trình Kênh tiêu Bà Sáu, xã M2, huyện M.

Ngày 07/3/2016, Ủy ban nhân dân huyện M có Thông báo số 67/TB-UBND về việc thu hồi đất để thực hiện dự án công trình Kênh tiêu Bà Sáu, xã M2, huyện M đối với hộ ông Trần Công Minh A. Ngày 22/11/2016, Ủy ban nhân dân huyện M có Thông báo số 672/TB-UBND về việc điều chỉnh Thông báo thu hồi đất số 67/TB-UBND nêu trên.

Ngày 30/12/2016, Ủy ban nhân dân huyện M ban hành Quyết định số 659/QĐ-UBND về việc thu hồi 445,3m² đất chuyên trồng lúa nước (LUC) thuộc thửa đất số 523, tờ bản đồ số 02 tại xã M2 của hộ ông Trần Công Minh Trí, lý do thu hồi đất: để xây dựng Công trình Kênh tiêu Bà Sáu, xã M2.

Cùng ngày 30/12/2016, Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện M ban hành Quyết định số 2119/QĐ-UBND về việc phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ và tái định cư công trình Kênh tiêu Bà Sáu (đợt 2, gồm 9 hộ gia đình, cá nhân).

Ngày 11/01/2017, Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện M ban hành Quyết định số 77/QĐ-UBND phê duyệt hỗ trợ đối với hộ ông Trần Công Minh A với tổng các khoản hỗ trợ là 41.967.000 đồng.

Ngày 13/7/2017, Ủy ban nhân dân tỉnh Bình Thuận ban hành Quyết định số 1991/QĐ-UBND về việc phê duyệt hệ số điều chỉnh giá đất để thực hiện công

tác bồi thường, hỗ trợ, tái định cư công trình Kênh tiêu Bà Sáu, xã M2, huyện M.

Ngày 11/9/2017, Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện M ban hành Quyết định số 2403/QĐ-UBND về việc phê duyệt bồi thường về đất đối với hộ ông Trần Công Minh A với số tiền 31.580.676 đồng.

Xét trình tự, thủ tục thu hồi đất, bồi thường và hỗ trợ khi thu hồi đất của Ủy ban nhân dân huyện M đối với hộ ông Trần Công Minh A có những thiếu sót như ban hành các quyết định thu hồi đất, phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ là không đúng thẩm quyền và ban hành các quyết định phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ sau quyết định thu hồi đất là vi phạm thời hạn ban hành quyết định theo quy định tại điểm a khoản 2 Điều 66, điểm a khoản 3 Điều 69 Luật đất đai năm 2013. Tuy nhiên, các vi phạm, sai sót này không làm ảnh hưởng đến quyền và lợi ích hợp pháp của ông A, không làm thay đổi bản chất nội dung vụ việc, không phải là cơ sở, căn cứ để hủy các quyết định hành chính bị kiện. Đồng thời, vào ngày 25/9/2020, Ủy ban nhân dân huyện M cũng đã ban hành Quyết định số 1446/QĐ-UBND về việc điều chỉnh thẩm quyền tại Quyết định số 2119/QĐ-UBND ngày 30/12/2016, Quyết định số 2160/QĐ-UBND ngày 31/8/2017 và Quyết định số 1009/QĐ-UBND ngày 02/7/2018.

Không đồng ý với các quyết định về bồi thường và hỗ trợ khi thu hồi đất của Ủy ban nhân dân huyện M, ông A khiếu nại, Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện M ban hành Văn bản số 273/UBND-PTQĐ ngày 06/02/2018 để trả lời khiếu nại của ông A, mà không ban hành Quyết định giải quyết khiếu nại là không đúng quy định tại điểm d khoản 2 Điều 14 Luật khiếu nại năm 2011. Tuy nhiên, thiếu sót về hình thức này không làm ảnh hưởng đến quyền và lợi ích hợp pháp của ông A, không làm thay đổi bản chất nội dung vụ việc nên không phải là cơ sở, căn cứ để hủy Văn bản số 273/UBND-PTQĐ ngày 06/02/2018 nêu trên.

[2.2] Về nội dung

[2.2.1] Xét kháng cáo của ông Trần Công Minh A

- Đối với yêu cầu được bồi thường bằng đất:

Theo khoản 1 Điều 132 Luật đất đai năm 2013 thì điều kiện để được bồi thường bằng việc giao đất là quỹ đất nông nghiệp sử dụng vào mục đích công ích tại địa phương vượt quá 05%. Trong quá trình giải quyết vụ án, Ủy ban nhân dân xã M2 là cơ quan quản lý đất đai tại địa phương xác định tổng diện tích đất công ích xã đang quản lý chưa đủ 05% và hiện đang do các hộ dân sử dụng.

Mặt khác, quá trình thực hiện thủ tục thu hồi đất, trước khi ban hành quyết định phương án bồi thường, vào ngày 07/12/2016, Trung tâm Phát triển quỹ đất huyện M đã phối hợp Ủy ban nhân dân xã M2 và chủ đầu tư lập biên bản họp dân công khai, lấy ý kiến về phương án bồi thường, hỗ trợ, tái định cư công trình Kênh tiêu Bà Sáu, xã M2, huyện M (đợt 2 - 09 hộ). Trong cùng ngày 07/12/2016, Trung tâm Phát triển quỹ đất huyện phối hợp Ủy ban nhân dân xã M2 và chủ đầu tư lập biên bản niêm yết, công khai phương án bồi thường, hỗ trợ, tái định cư công trình Kênh tiêu Bà Sáu, xã M2 từ ngày 07/12/2016 đến hết ngày 27/12/2016. Đến ngày 28/12/2016, Trung tâm Phát triển quỹ đất huyện phối hợp Ủy ban nhân dân xã M2 và chủ đầu tư lập biên bản kết thúc niêm yết, công khai phương án bồi thường, hỗ trợ, tái định cư Công trình Kênh tiêu Bà Sáu, xã M2. Trong thời gian này, hộ ông Trần Công Minh A không có khiếu nại gì về phương án bồi thường, hỗ trợ, tái định cư.

Do đó, việc Ủy ban nhân dân huyện M không chấp nhận khiếu nại của ông Trần Công Minh A về việc đề nghị bồi thường bằng đất là có căn cứ, đúng quy định tại khoản 2 Điều 74, khoản 1 Điều 132 Luật đất đai năm 2013. Điều này cũng phù hợp với thực tế bồi thường của dự án và để đảm bảo công bằng trong chính sách bồi thường đối với 38 hộ dân bị thu hồi đất trong cùng dự án (đều được bồi thường bằng tiền theo phương án đã được phê duyệt).

- Đối với yêu cầu bồi thường giá trị đất theo giá thị trường

Xét Dự án Công trình Kênh tiêu Bà Sáu, xã M2, huyện M là dự án Nhà nước thu hồi đất vì lợi ích quốc gia, công cộng theo quy định tại Điều 62 Luật đất đai 2013.

Theo biên bản xác định vị trí các thửa đất thu hồi xây dựng công trình Kênh tiêu Bà Sáu, xã M2, huyện M do Trung tâm Phát triển quỹ đất huyện phối hợp với Ủy ban nhân dân xã M2 và chủ đầu tư lập ngày 09/9/2016 thì diện tích 445,3m², đất chuyên trồng lúa nước thu hồi của ông Trần Công Minh A thuộc vị trí 2.

Do đó, Ủy ban nhân dân huyện M ban hành Quyết định số 2403/QĐ-UBND ngày 11/9/2017, bồi thường về đất cho hộ ông A với số tiền 31.580.676 đồng là phù hợp với quy định tại điểm đ khoản 4 Điều 114 Luật Đất đai 2013; Phụ lục số 7 – Bảng giá đất huyện M (Kèm theo Quyết định số 59/2014/QĐ-UBND ngày 16/12/2014 của Ủy ban nhân dân tỉnh); Điều 7 Bản quy định về bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi nhà nước thu hồi đất (Ban hành kèm theo Quyết định số 08/2015/QĐ-UBND ngày 02/3/2015 của Ủy ban nhân dân tỉnh Bình Thuận) quy định về giá đất cụ thể để tính bồi thường về đất; Quyết định số 1991/QĐ-UBND ngày 13/7/2017 về việc phê duyệt hệ số điều chỉnh giá đất để

thực hiện công tác bồi thường, hỗ trợ, tái định cư công trình Kênh tiêu Bà Sáu, xã M2, huyện M.

[2.2.2] Xét kháng cáo của Ủy ban nhân dân huyện M cho rằng diện tích đất bị thu hồi là tài sản của cá nhân ông Trần Công Minh A nên chỉ mình ông A được hỗ trợ ổn định đời sống và sản xuất.

Tại điểm c khoản 1 Điều 19 Nghị định số 47/2014/NĐ-CP của Chính phủ quy định: *“Đối tượng được hỗ trợ ổn định đời sống và sản xuất là Hộ gia đình, cá nhân thuộc đối tượng đủ điều kiện được giao đất nông nghiệp theo quy định tại Điểm a Khoản này nhưng chưa được giao đất nông nghiệp và đang sử dụng đất nông nghiệp do nhận chuyển nhượng, nhận thừa kế, được tặng cho, khai hoang theo quy định của pháp luật, được Ủy ban nhân dân cấp xã nơi có đất thu hồi xác nhận là đang trực tiếp sản xuất trên đất nông nghiệp đó;”*

Xét thấy, tại Quyết định thu hồi đất số 659/QĐ-UBND ngày 30/12/2016, Ủy ban nhân dân huyện M xác định thu hồi 445,3m² đất của hộ gia đình ông Trần Công Minh A. Đồng thời, diện tích 1.100m² đất (trong đó có 445,3m² đất bị thu hồi nêu trên) thuộc thửa đất số 523, tờ bản đồ số 32-02, là do ông A nhận chuyển nhượng từ hộ ông Nguyễn Tấn Phát; việc nhận chuyển nhượng này trong thời kỳ hôn nhân với vợ ông A là bà Hồ Thị Thanh T; ông A và bà Trúc đều xác định đây là tài sản chung của vợ chồng nhưng do ông A đứng tên nhận chuyển nhượng.

Ủy ban nhân dân huyện M không xem xét việc trong hộ gia đình của ông A tại thời điểm thu hồi đất có những ai là người trực tiếp canh tác trên đất để thực hiện chính sách hỗ trợ ổn định đời sống và sản xuất mà chỉ căn cứ thông tin trên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất để cho rằng thửa đất bị thu hồi là tài sản của cá nhân ông Trần Công Minh A, là không phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 33 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; điểm c khoản 1 Điều 19 Nghị định số 47/2014/NĐ-CP của Chính phủ nêu trên.

Từ những căn cứ nêu trên, Hội đồng xét xử phúc thẩm xét và không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của người khởi kiện ông Trần Công Minh A và kháng cáo của người bị kiện Ủy ban nhân dân huyện M, giữ nguyên bản án hành chính sơ thẩm như đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tham gia phiên tòa.

[3] Về án phí hành chính phúc thẩm: Người khởi kiện ông Trần Công Minh A và người bị kiện Ủy ban nhân dân huyện M phải chịu do yêu cầu kháng cáo không được chấp nhận.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 241 Luật tổ tụng hành chính năm 2015;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Bác kháng cáo của người khởi kiện ông Trần Công Minh A; Bác kháng cáo của người bị kiện Ủy ban nhân dân huyện M, tỉnh Bình Thuận; Giữ nguyên bản án hành chính sơ thẩm.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của ông Trần Công Minh A:

1.1. Hủy một phần Văn bản số 273/UBND-PTQĐ ngày 06/02/2018 của Ủy ban nhân dân huyện M, tỉnh Bình Thuận về việc trả lời đơn của ông Trần Công Minh A đối với phần hỗ trợ đào tạo, chuyển đổi nghề và tìm kiếm việc làm, hỗ trợ ổn định đời sống và sản xuất;

1.2. Hủy Quyết định số 77/QĐ-UBND ngày 11/01/2017 của Ủy ban nhân dân huyện M, về việc phê duyệt bồi thường, hỗ trợ đối với hộ ông Trần Công Minh A;

1.3. Hủy một phần Quyết định số 2119/QĐ-UBND ngày 30/12/2016 của Ủy ban nhân dân huyện M (đã được điều chỉnh thẩm quyền thành Ủy ban nhân dân huyện M tại Quyết định số 1446/QĐ-UBND ngày 25/9/2020 của Ủy ban nhân dân huyện M), về việc phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ và tái định cư công trình Kênh tiêu Bà Sáu, xã M2, huyện M (đợt 02 – gồm 09 hộ gia đình, cá nhân) liên quan đến phần hỗ trợ cho ông Trần Công Minh A.

1.4. Buộc Ủy ban nhân dân huyện M thực hiện nhiệm vụ, công vụ theo quy định của pháp luật, ban hành Quyết định phê duyệt hỗ trợ cho hộ ông Trần Công Minh A theo đúng quy định của Luật đất đai.

2. Bác một phần yêu cầu khởi kiện của ông Trần Công Minh A về việc yêu cầu hủy:

- Văn bản số 273/UBND-PTQĐ ngày 06/02/2018 của Ủy ban nhân dân huyện M về việc trả lời đơn của ông Trần Công Minh A đối với phần bồi thường bằng đất.

- Quyết định số 1446/QĐ-UBND ngày 25/9/2020 của Ủy ban nhân dân huyện M, về việc điều chỉnh thẩm quyền từ Ủy ban nhân dân huyện M thành Ủy ban nhân dân huyện M tại Quyết định số 2119/QĐ-UBND ngày 30/12/2016,

Quyết định số 2160/QĐ-UBND ngày 31/8/2017 và Quyết định số 1009/QĐ-UBND ngày 02/7/2018 của Ủy ban nhân dân huyện M

3. Án phí hành chính phúc thẩm:

Ông Trần Công Minh A phải chịu 300.000 (ba trăm nghìn) đồng nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp (do bà Võ Thị B nộp thay) là 300.000 (ba trăm nghìn) đồng theo Biên lai thu số 0008016 ngày 29/01/2021 của Cục thi hành án dân sự tỉnh Bình Thuận.

Ủy ban nhân dân huyện M phải chịu 300.000 (ba trăm nghìn) đồng nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 (ba trăm nghìn) đồng theo Biên lai thu số 0008185 ngày 10/01/2022 của Cục thi hành án dân sự tỉnh Bình Thuận.

4. Các quyết định khác của bản án hành chính sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

CÁC THẨM PHÁN

THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Lê Hoàng Tấn

Nguyễn Hồ Tâm Tú

Trần Thị Hòa Hiệp

